

Hòa An, ngày 26 tháng 5 năm 2021

Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Vi Văn T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Trung đoàn 852, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: **Bà Phùng Thị H, sinh năm 1976;**

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Mã Thị Ó, sinh năm 1941;

+ Ông Vi Văn M, sinh năm 1976 (bị khuyết tật chân và điếc bẩm sinh).

Người đại diện theo pháp luật của ông Vi Văn M: Bà Mã Thị Ó, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mã Thị Ó và ông Vi Văn M: Ông Hoàng Minh Ngọc – Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 61, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Vi Văn T và bà Phùng Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Vi Văn T và bà Phùng Thị H tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Các đương sự xác nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung:

+ Vi Thị Thanh H, sinh ngày 02/9/2012;

+ Phùng Mai C, sinh ngày 08/4/2019.

Hai bên đương sự thoả thuận, sau khi ly hôn bà Phùng Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Vi Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung với tổng số tiền 3.000.000,đ/tháng, mỗi con là 1.500.000,đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 6/2021 cho đến khi 02 (hai) con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Hai bên đương sự cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có đóng góp tiền cùng bà Mã Thị Ó sửa chữa căn nhà cấp 4 năm 2016, bếp năm 2012 và công trình vệ sinh khép kín năm 2017 trên đất của ông Vi Văn M tại xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng nhưng vì lâu ngày nên không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Các đương sự nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 31/3/2021, căn nhà cấp 4, bếp, công trình vệ sinh khép kín có tổng trị giá là 454.639.095,đ (*Bốn trăm năm mươi tư triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn không trăm chín mươi lăm đồng*). Ông T, bà H nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mã Thị Ó, khối tài sản này bà Mã Thị Ó được hưởng $\frac{1}{2}$, ông T, bà H hưởng $\frac{1}{2}$ và thống nhất thoả thuận, ông T được hưởng 113.660.000,đ (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) và

có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền 113.660.000,đ (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) công sức đóng góp của bà H trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 18/5/2021 ông T đã thanh toán cho bà H số tiền 30.000.000,đ (*Ba mươi triệu đồng*), số tiền còn lại là 83.660.000,đ (*Tám mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) ông T thanh toán 03 (ba) lần:

Lần 1 ngày 30/8/2021 trả 30.000.000,đ (*Ba mươi triệu đồng*);

Lần 2 ngày 30/11/2021 trả 30.000.000,đ (*Ba mươi triệu đồng*);

Lần 3 ngày 28/02/2022 trả 23.660.000,đ (*Hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ông T sẽ nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hòa An, nếu ông T vi phạm thời hạn thanh toán, bà H có quyền làm đơn yêu cầu gửi đến cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Hết thời hạn thỏa thuận nêu trên nếu ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho bà H mà bà H có đơn yêu cầu Thi hành án thì ông T còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

- **Về nghĩa vụ khác:** Trong thời kỳ hôn nhân ông T có vay của bà H 02 (hai) chỉ vàng là tài sản riêng của bà H, hai chỉ vàng này ông T sẽ trả cho bà H vào ngày 30/5/2022.

- **Về vay nợ chung:** Ông T và bà H cùng xác nhận vợ chồng không vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi là 1.200.000,đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) bà Phùng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

- **Về án phí:** Theo quy định về Án phí, ông T và bà H mỗi người phải chịu 75.000,đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng chẵn*) án phí Dân sự Sơ thẩm cho việc thuận tình ly hôn nộp vào Ngân sách Nhà Nước. Ông T còn phải chịu 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 2.841.500,đ (*Hai triệu tám trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn*) án phí dân sự có giá ngạch đối với phần công sức đóng góp được hưởng. Bà Phùng Thị H phải chịu 2.841.500,đ (*Hai triệu tám trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn*) án phí dân sự có giá ngạch đối với phần công sức đóng góp được hưởng. Tổng án phí bà H phải chịu là 2.916.500,đ (*Hai triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng chẵn*), tuy nhiên bà H là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã Đại Tiến là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí.

Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là 3.066.500,đ (*Ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001517 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Ông T còn phải nộp 2.766.500,đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CC THADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Đại Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lục Thị Út